

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày: 14- 8-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản (tín dụng).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận;
2. Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số 96 C, Phường 4, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Tô Thị Hồng M, sinh năm 1994 – là chuyên viên xử lý nợ (văn bản ủy quyền ngày 10/6/2019).

- *Bị đơn:* Ông Đào Dương H, sinh năm 1966; trú tại: Số 36/2, khu phố L, phường L, thị xã Th, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh năm 1965; trú tại: Số 36/2, khu phố L, phường L, thị xã Th, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/4/2017 ông Đào Dương H có ký hợp đồng vay tín chấp với Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là ngân hàng V) số tiền 34.965.000đ với

mục đích tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 40%/năm. Sau khi ký hợp đồng tín dụng ông H đã nhận đủ số tiền 34.965.000đ từ Ngân hàng V. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã thanh toán cho Ngân hàng V 07 lần tổng số tiền là 15.605.244đ gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Lần thanh toán cuối cùng là ngày 18/4/2018 và kể từ đó ông H không thanh toán khoản nào cho Ngân hàng nữa. Do Ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ 57.504.164 đ, gồm nợ gốc là 29.936.257đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 21/6/2019 là 27.567.907đ.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số 20170413- 0005346 ngày 11/4/2017 giữa Ngân hàng V với ông Đào Dương H; phê duyệt của V ngày 13/4/2017.

Bị đơn – ông Đào Dương H trình bày:

Ông H xác định ngày 13/4/2017 có ký hợp đồng vay tín chấp với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V) số tiền 34.965.000đ với mục đích tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 40%/năm. Sau khi ký kết hợp đồng ông H đã nhận đủ số tiền 34.965.000đ và ông H đã thanh toán cho Ngân hàng V 07 lần (ngày 13/5/2017; ngày 13/5/2017; ngày 19/7/2017; ngày 13/8/2017; ngày 13/9/2017; ngày 13/10/2017; ngày 18/4/2018) với tổng số tiền là 15.605.244đ gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Ông H xác định số tiền gốc chưa thanh toán là 29.936.257đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H trả số nợ 57.504.164 đ gồm tiền nợ gốc và lãi thì ông H xác định ông H sẽ có trách nhiệm trả số nợ này cho Ngân hàng vì ông H mượn số tiền này sử dụng riêng, không liên quan gì đến vợ là bà Nguyễn Thị Tuyết Ng. Ông H đề nghị Ngân hàng cho trả dần tiền nợ gốc và tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết Ng trình bày:

Bà Ng là vợ ông H và có tên trong sổ hộ khẩu, khi ông H vay tiền có yêu cầu bà Ng đến ký tên, nhưng việc ông H vay tiền làm gì bà không biết và cũng không liên quan gì đến hợp đồng này. Ngân hàng khởi kiện ông H, bà không có ý kiến gì và bà xin vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng Ngân hàng V yêu cầu ông H và bà Ng liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, nhưng Tòa án xác định tư cách tố tụng của bà Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác và đề nghị xác định lại bà Ng với tư cách là bị đơn.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa,

nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng Tòa án xác định tư cách tố tụng của bà Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác và đề nghị xác định lại bà Ng với tư cách là bị đơn. Xét thấy, theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “ Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm”. Theo đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP V xác định khởi kiện ông Đào Dương H yêu cầu trả số nợ đã vay và yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết Ng là vợ ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng ông H. Như vậy, trong đơn khởi kiện Ngân hàng cũng xác định người bị kiện là ông H và bà Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc thay đổi tư cách tố tụng của bà Ng là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết Ng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Ng theo quy định của pháp luật tại Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20170413- 0005346 ngày 11/4/2017 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với ông Đào Dương H, nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện và biên bản xác minh ngày 19/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thể hiện bị đơn ông Đào Dương H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố L, phường L, thị xã Th, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 34.965.000đ theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20170413- 0005346 ngày 11/4/2017 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn.

Tại bản tự khai và buổi hòa giải bị đơn ông Đào Dương H thừa nhận có ký hợp đồng với ngân hàng V để vay tiền tiêu dùng. Ông H đã nhận đủ số tiền 34.965.000đ và thanh toán cho Ngân hàng V được 07 lần (ngày 13/5/2017; ngày 13/5/2017; ngày 19/7/2017; ngày 13/8/2017; ngày 13/9/2017; ngày 13/10/2017; ngày 18/4/2018) với tổng số tiền là 15.605.244đ gồm cả tiền gốc và tiền lãi; số tiền gốc chưa thanh toán là 29.936.257đ. Lời thừa nhận của ông H là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 11/4/2017 và sự thừa nhận của các bên đương sự thì bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo định kỳ, nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên là có căn cứ theo qui định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn cho rằng hiện nay do gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị được trả dần, nguyên đơn không chấp nhận và yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực. Xét, đề nghị của bị đơn đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, do đó đề nghị của bị đơn không được Tòa án chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết Ng cho rằng có biết việc ông H vay tiền nhưng không biết vay để làm gì nên bà không có liên quan gì đối với số tiền nợ Ngân hàng của ông H. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2019 và tại phiên tòa ông H trình bày là lao động chính trong nhà, mục đích ông vay tiền để mua vật liệu về phục vụ cho nghề thợ điện nhằm trang trải cuộc sống gia đình. Trong thời gian này ông H và bà Ng vẫn còn quan hệ là vợ chồng, do đó các nghĩa vụ do ông H thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì bà Ng cũng phải có trách nhiệm chung với số nợ của ông H theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn ông Đào Dương H về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng, buộc ông Huân và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết Ng phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 60.198.427đ, trong đó 29.936.257đ nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử 14/8/2019 là 30.262.170đ.

[5] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 15/8/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 20170413- 0005346 ngày 11/4/2017 cho đến khi ông H và bà Ng trả xong các khoản nợ.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn ông Đào Dương H.

Buộc ông Đào Dương H và bà Nguyễn Thị Tuyết Ng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 60.198.427đ (sáu mươi triệu một trăm chín tám nghìn bốn trăm hai bảy đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 15/8/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 20170413- 0005346 ngày 11/4/2017 cho đến khi ông H và bà Ng trả xong các khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đào Dương H và bà Nguyễn Thị Tuyết Ng phải chịu 3.009.921 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V 1.185.641 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0035300 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Thư

(đã ký)

